TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2021

"V/v tranh chấp ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan

2. Bà Trần Thị Liên

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2021/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Tấn Ng, sinh năm: 1984; địa chỉ: Đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lương Đức L, sinh năm: 1979; địa chỉ: Đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Chị Phạm Thị Tấn Ng trình bày nội dung như sau:

Chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15 tháng 12 năm 2009.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm khiến cho cuộc sống vợ chồng nặng nề và không còn hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng chị Ng, anh L đã cố gắng hòa hợp nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị Ng, anh L nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Tòa án đã cho vợ chồng tôi thời gian để hòa giải, hàn gắn nhưng đến nay mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không giải quyết được, vợ chồng chị Ng, anh L không có cách để giải quyết mâu thuẫn mà vẫn để mặc cho mâu thuẫn xảy ra.

Nay chị Ng xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Đức L.

Về con chung: Chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L có 02 con chung là cháu Lương Anh Th, sinh ngày 11/8/2011 và cháu Lương Thái A, sinh ngày: 11/11/2014. Khi ly hôn chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lương Anh Th và Lương Thái A đến tuổi trưởng thành và chị Ng không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Phạm Thị Tấn Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L không nợ ai và không ai nợ chị Ng, anh L.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Lương Đức L trình bày nội dung như sau:

Anh Lương Đức L và chị Phạm Thị Tấn Ng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15 tháng 12 năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị Ng có 02 con chung là cháu Lương Anh Th, sinh ngày 11/8/2011 và cháu Lương Thái A, sinh ngày: 11/11/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị Ng thường xuyên bất đồng quan điểm, do đó chị Ng có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh L cũng tôn trọng ý kiến. Tuy nhiên anh L không đồng ý lý hôn. Trong trường hợp nếu giải quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng nuôi 02 con đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cô Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên họp anh Lương Đức L vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Phạm Thị Tấn Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn, tuyên xử chị Phạm Thị Tấn Ng được ly hôn với anh Lương Đức L. Về con chung: Chị Ng đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lương Anh Th, sinh ngày 11/8/2011 và cháu Lương Thái

A, sinh ngày: 11/11/2014 cho chị Ng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Ng không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Tấn Ng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lương Đức L, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 15 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị Ng và anh L thường xuyên bất đồng quan điểm khiến cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị Ng, anh L đã cố gắng hòa hợp nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị Ng xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Đức L.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L là vợ chồng và cùng chung sống tại địa chỉ: Đường G, tổ dân phố 7A, phường T, thành phố B. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng chị Ng và anh L có xảy ra mâu thuẫn nên đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa vợ chồng chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, Tòa án đã tạo điều kiện cho chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L hòa giải tuy nhiên mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L vẫn chưa được giải quyết. Đến nay mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Tấn Ng là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L có 02 con chung là cháu Lương Anh Th, sinh ngày 11/8/2011 và cháu Lương Thái A, sinh ngày: 11/11/2014. Chị Phạm Thị Tấn Ng và anh Lương Đức L đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Lương Anh Th và cháu Lương Thái A đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu đều còn nhỏ, vẫn đang trong độ tuổi phát triển và nguyện vọng của hai các cháu là được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của hai cháu nên cần giao hai cháu Lương Anh Th và Lương Thái A cho chị Phạm Thị Tấn Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Tấn Ng không yêu cầu anh Lương Đức L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Tấn Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Tấn Ng.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tấn Ng được ly hôn với anh Lương Đức L.

- Về con chung: Giao cháu Lương Anh Th, sinh ngày 11/8/2011 và cháu Lương Thái A, sinh ngày: 11/11/2014 cho chị Phạm Thị Tấn Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Lương Đức L, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Tấn Ng không yêu cầu anh Lương Đức L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

[2] Về án phí: Chị Phạm Thị Tấn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Tấn Ng đã nộp (Phan Thị H nộp thay) theo biên lai số 60AA/2021/0003921 ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND xã H, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông